

**CÔNG TY CỔ PHẦN AN DƯƠNG HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AN DƯƠNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN DUONG HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ADHN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108394952

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thanh Vân, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                      | 4933     |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                             | 1020     |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                        | 1030     |
| 6.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                 | 1050     |
| 7.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                             | 1622     |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                            | 1629     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                          | 2391     |
| 10. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                            | 2395     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                     | 4322     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329     |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết: Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch...bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác.</p> <p>- Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;</p> <p>- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...</p> <p>Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;</p> <p>- Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;</p> <p>- Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...</p> <p>Bán buôn đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ; - Bán buôn đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.</p> <p>- Bán buôn đèn và bộ đèn điện;</p> <p>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...</p> <p>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;</p> <p>- Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: giá sách, kệ....bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác.</p> <p>- Bán buôn sách, truyện, kể cả sách giáo khoa;</p> <p>- Bán buôn báo, tạp chí, bưu thiếp và các ấn phẩm khác; - Bán buôn văn phòng phẩm.</p> <p>Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể dục; - Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể thao</p> | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652        |
| 17. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4752        |
| 20. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4759        |
| 21. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1010(Chính) |
| 22. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730        |
| 23. | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1073        |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                        | 1071 |
| 25. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                         | 1074 |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                | 2392 |
| 27. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                   | 2394 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                  | 4931 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                            | 9511 |
| 31. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075 |
| 32. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HẢI        | Tập thể HVCS Nhân dân, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 5.000.000  | 50.000.000.000        | 50,000    | 013479255                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                       | Tổng số           | 5.000.000  | 50.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HẰNG       | Số nhà 6, Tổ 3, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25,000    | 040183000155                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                       | Tổng số           | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | Thôn Thanh Vân, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25,000    | 013200941                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                       | Tổng số           | 2.500.000  | 25.000.000.000        | 25,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẢI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013479255

Ngày cấp: 13/10/2011

Nơi cấp: công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tập thể HVCS Nhân dân, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tập thể HVCS Nhân dân, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội